

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CNVL1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671001-801 - T ấ n ấ g d ấ g 1 H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3575031496	35CNVL1	L ấ Tu n Anh	29/07/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
2	3571010026	35CLC1-CĐ	Nguy n Tu n Anh	15/03/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
3	3575031620	35CNVL1	L ấ Công B ấ u	07/09/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	1.5	1.1	3.2	
4	3575010613	35CXD4	Phùng Minh C nh	06/05/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
5	3575031480	35CNVL1	L ấ M nh C ấ g	25/04/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
6	3471010031	34CCD5	Nguy n V ấ	04/03/1991				6.0	7.0		6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	
7	3571010176	35CCĐ3	L ấ V ấ	13/03/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
8	3575030667	35CNVL1	Nguy n Nh t Di	02/12/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	9.5	6.7	8.9	
9	3471010068	34CCD3	Nguy n V ấ	16/08/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3471010073	34CCD2	L ấ H u D ấ g	09/04/1992				8.0	9.0		8.5	2.6	3.5	2.5	5.0	
11	3475010052	34CXD2	V H ấ i n ấ am	24/03/1991				8.0	0.0		4.0	1.2	3.8	2.7	3.9	
12	3575010223	35CXD3	ấ o ấ Qu c ấ t	20/04/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
13	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh ấ m	01/04/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
14	3574011124	35COT1	Phan V ấ	02/11/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	6.8	4.8	7.0	
15	3575031183	35CNVL1	Nguy n Th ấ nh ấ ấ ng	02/08/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
16	3575031411	35CNVL1	Nguy n Minh ấ c	04/03/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
17	3571010783	35CCĐ1	Ph m Vi t ấ c	24/08/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
18	3575010110	35CXD3	Cao V ấ	16/03/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
19	3571011544	35CCĐ3	Nguy n Ho ấ g H i	12/05/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CNVL1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671001-801 - T ấ n ấ g d ấ g 1 H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3575010934	35CXD5	Nguy n Thanh	H ấ	07/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
21	3575010435	35CXD4	Phan T n	H ấ n	17/06/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
22	3471010127	34CCD6	H ấ ấ V ấ	Ho ấ n	26/11/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	3471010128	34CCD1	Tr n Qu c	Ho ấ n	11/07/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
24	3571011762	35CC ấ 7	H ấ Anh	Ho ấ ấ	01/01/1993				8.0	5.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
25	3571011756	35CLC1-C ấ	B ấ i Tr ấ	H ấ	24/07/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
26	3574011065	35COT1	Lê Thành	Kính	21/03/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
27	3475010113	34CXD2	Nguy n M u Duy	Kh ấ	03/03/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3575010701	35CLC1-DD	Nguy n Duy	Kh ấ ấ	20/03/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
29	3575031510	35CNVL1	Lê Thành	Kh ấ i	01/01/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
30	3571011785	35CC ấ 4	Cao Minh	Lam	10/03/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
31	3575011147	35CXD5	L ấ Tr ấ	Linh	26/09/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
32	3575010970	35CXD5	Nguy n Th ấ	Long	03/06/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
33	3474010036	34COT2	Cao Ng c	L ấ	05/05/1992				8.0	9.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
34	3571011187	35CC ấ 5	Phan V ấ	L c	04/03/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.8	4.8	7.2	THI CHUNG LOP 2
35	3471010208	34CCD5	ấ ấ H ấ a	Minh	11/08/1992				8.0	5.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
36	3471010209	34CCD3	ấ o ấ Ng c	Minh	06/09/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
37	3471010211	34CLC-CD	Nguy n ấ c	Minh	28/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CNVL1 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 1230671001-801 - Toñ n g d n g 1 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
38	3575031605	35CNVL1	Nguy n T ng	Nam	01/02/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
39	3571010194	35CCĐ4	L ² ã i	Ngà	10/10/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
40	3471010226	34CCD6	L ² V ã	Ng c	02/01/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
41	3571011613	35CCĐ5	L u Thanh	Phong	01/01/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
42	3574011794	35COT2	Tr n ã nh	Phú	06/12/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
43	3575011738	35CXD6	Tr n V ã	Phú	01/07/1993				9.0	7.0		8.0	2.4	10.0	7.0	9.4	
44	3571010008	35CLC1-CĐ	Nguy n	Phúc	06/09/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
45	3575010837	35CXD1	Phan T ã	Phúc	03/06/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
46	3574011115	35COT1	Tr ng Minh	Quang	21/05/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	2.3	1.6	3.7	
47	3574011102	35COT1	Ngô Minh	Quân	01/09/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
48	3575011148	35CXD5	Phan H i	Quân	03/10/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
49	3575010666	35CLC1-DD	Lê Phú	Quý	02/12/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	2.8	2.0	4.4	
50	3571010643	35CCĐ1	Nguy n H ng	S n	02/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
51	3571010028	35CCĐ3	Tr n Xu ^a n	S n	22/02/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
52	3574011676	35COT2	Tr n B	S ng	27/06/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
53	3575031742	35CNVL1	Nguy n H u	Tài	12/10/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
54	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang	Tu n	21/02/1993				3.0	6.0		4.5	1.4	4.5	3.2	4.5	
55	3575010348	35CXD4	L ng ã nh	Tùng	18/02/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
56	3474010087	34COT1	Tr nh Quang	Tùng	10/10/1991				8.0	8.0		8.0	2.4	3.8	2.7	5.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CNVL1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671001-801 - T ấ n ấ d ấ g 1 H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
57	3571011657	35CC ấ 7	ấ ấ Ng c Tú	16/06/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
58	3571011788	35CC ấ 4	Nguy n V ấ Nh Tú	02/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	4.5	3.2	3.2	
59	3575010689	35CLC1-DD	H ấ Vi t Thanh	20/06/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
60	3471010282	34CCD5	Nguy n Ch ấ Thanh	18/08/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
61	3471010310	34CCD7	Nguy n Xu ấ n Thi m	25/10/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	3.8	2.7	2.7	
62	3575011154	35CLC1-DD	Mai V ấ Nh Th nh	20/10/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
63	3571010050	35CC ấ 3	Tr n Qu c Th nh	06/02/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
64	3575030646	35CNVL1	Hà Minh Thông	27/04/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
65	3571010520	35CC ấ 5	Thái Do ấ n Thông	14/09/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
66	3574011708	35COT2	Tr nh ấ nh Th ng	03/02/1992				8.0	5.0		6.5	2.0	5.8	4.1	6.0	
67	3575010868	35CXD5	Hu nh Ng c Quang Trung	23/11/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
68	3571010732	35CLC1-C ấ	Bùi Duy Tr ng	19/10/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
69	3575031198	35CNVL1	Tr ng V ấ Nh Tr ng	03/09/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
70	3575011186	35CXD5	Hoàng V ấ O	16/12/1993				8.0	0.0		4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
71	3471010407	34CCD5	Tr n Thanh V ấ O	16/08/1990				9.0	8.0		8.5	2.6	6.3	4.4	7.0	
72	3575010460	35CXD4	Tr n Th Nh Y n	06/03/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	

T ng s : 72 h c sinh sinh vi ấ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o Vi ấ n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa